CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

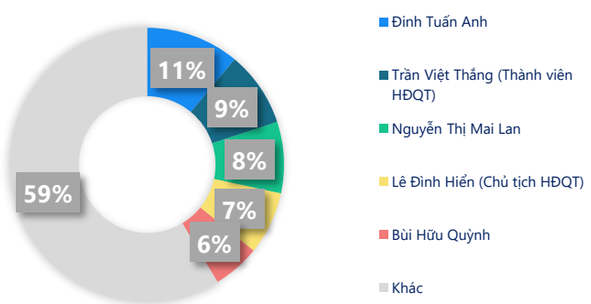
FireAnt

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tốt chính.

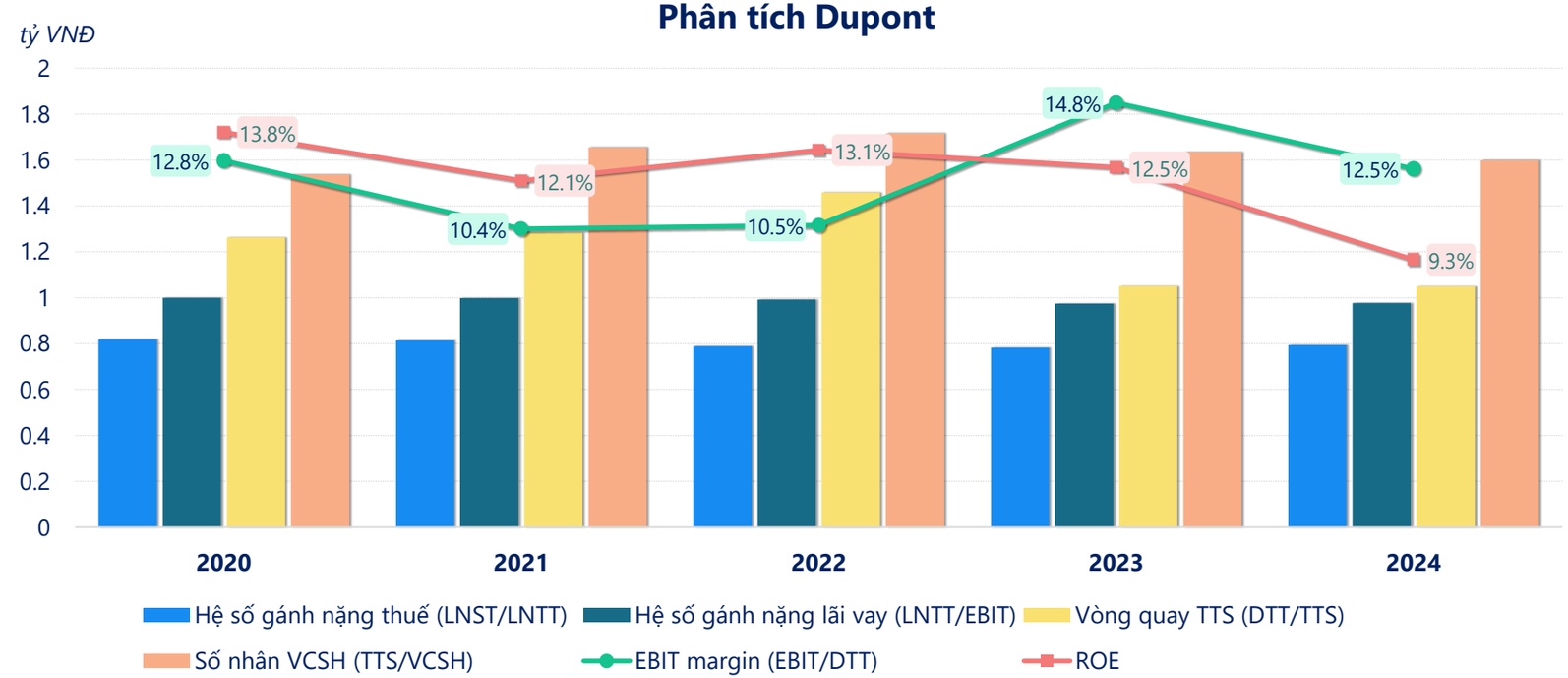
Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	72,000
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	45,354 - 74,453
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,037
Số lượng CPLH (CP)	14,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,800
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.59
EPS	4,130
P/E	17.4

	YTD	1T	3T	6T
LHC	2.3%	-2.0%	-2.8%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2024

1,205

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 86.0| 7.6%

LN sau thuế

2024

117

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.00| -7.4%

ROE

2024

9.3%

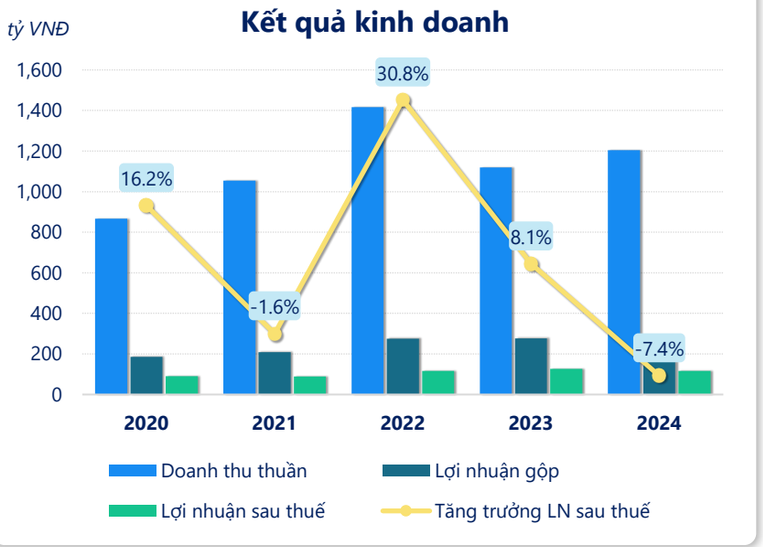
+/- YoY: ▼ 3.2%

ROA

2024

5.8%

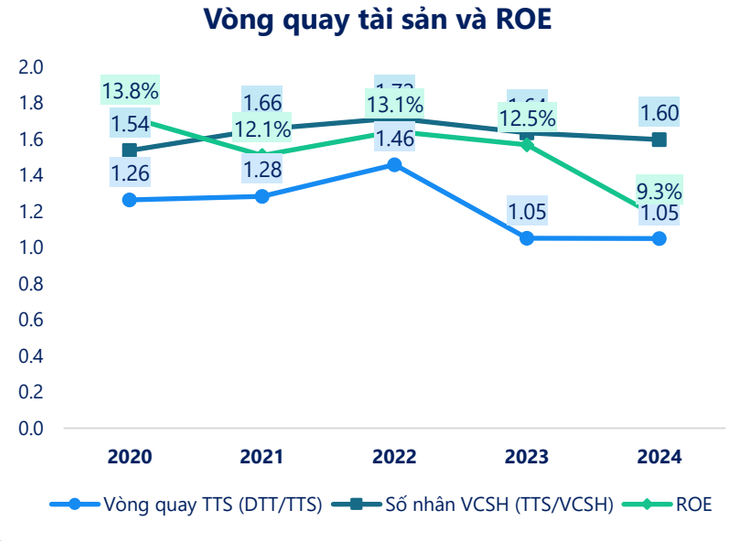
+/- YoY: ▼ 1.8%



Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **12.5%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

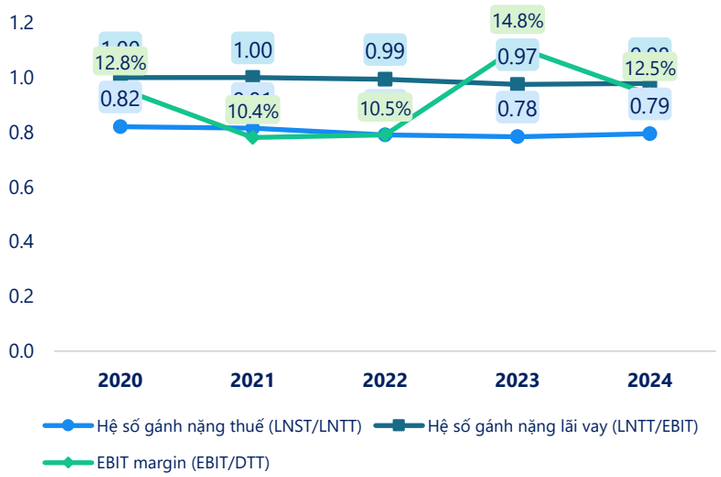
Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.79**, **tăng** so với năm trước thường phản ánh việc giảm đi gánh nặng thuế và các chi phí thuế khác.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.98**, **tăng** hơn so với năm trước thường phản ánh việc công ty đang chi trả chi phí lãi vay ít đi so với lợi nhuận trước thuế.



Kết quả kinh doanh **LHC** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,205** tỷ đồng **tăng 7.64%**, lợi nhuận sau thuế đạt **116.9** tỷ đồng **giảm 7.40%**.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **9.33%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

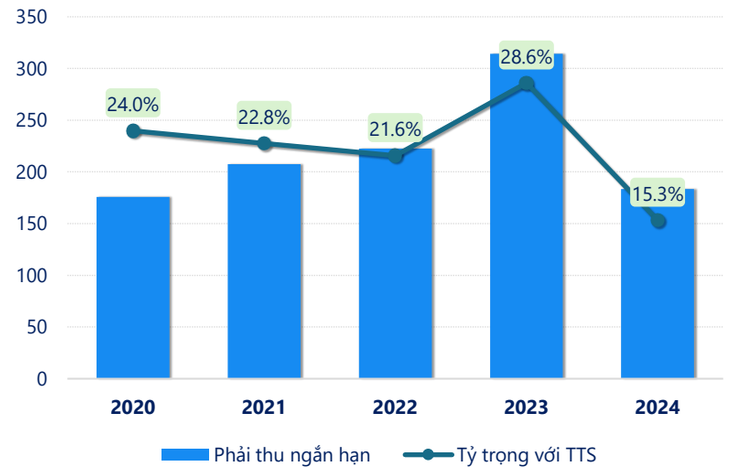


Vòng quay tổng tài sản đạt **1.05**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.60** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

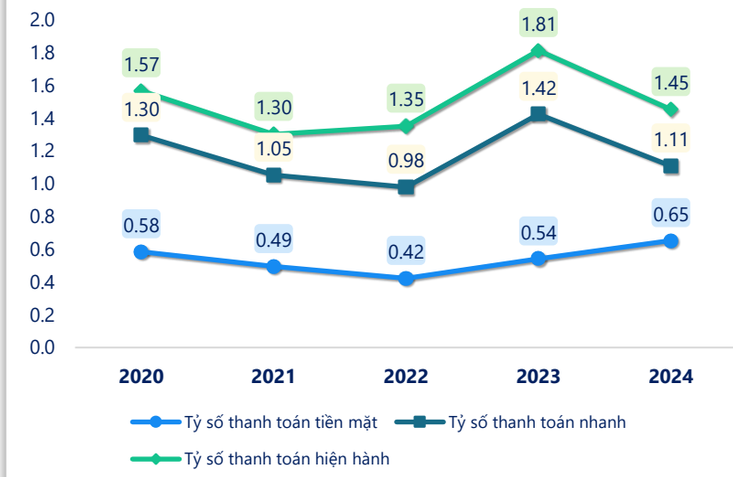
Phải thu ngắn hạn



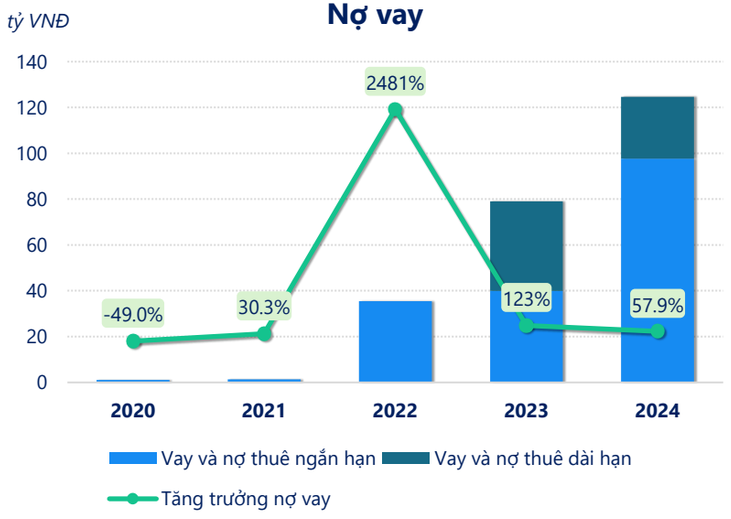
Hàng tồn kho



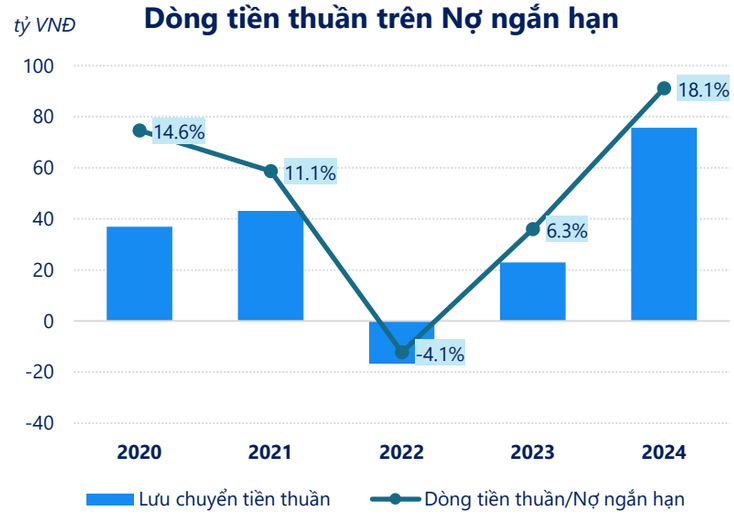
Chỉ số thanh khoản



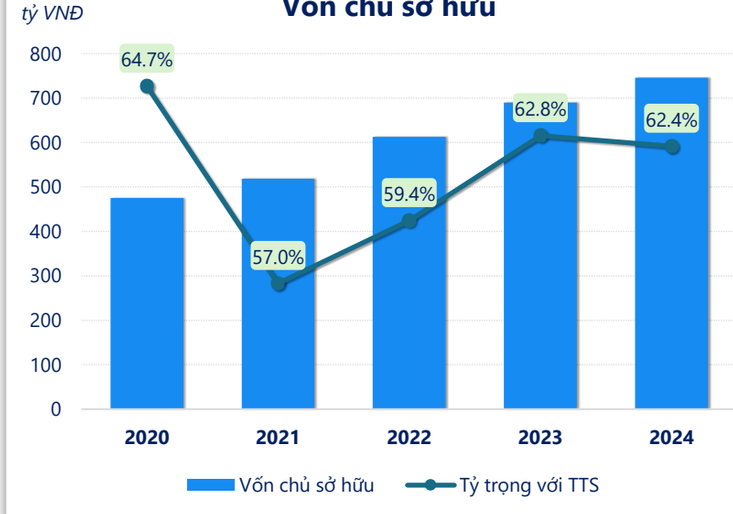
Nợ vay



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Vốn chủ sở hữu



CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng (HNX: LHC)

FireAnt

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,196**	**1,099**	**8.9%**
Tài sản ngắn hạn	607	661	-8.1%
Tiền và tương đương tiền	273	197	38.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	184	314	-41.5%
Hàng tồn kho	143	142	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.55	7.54	0.1%
Tài sản dài hạn	**589**	**438**	**34.5%**
Phải thu dài hạn	3.20	3.09	3.8%
Tài sản cố định	371	369	0.4%
Bất động sản đầu tư	0	1.73	-100%
Tài sản dở dang	186	38.8	379%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**29.2**	**24.9**	**17.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	448	409	9.7%
Nợ ngắn hạn	**416**	**365**	**14.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	97.7	40.0	144%
Phải trả người bán ngắn hạn	91.4	59.6	53.2%
Nợ dài hạn	32.3	44.4	-27.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	27.0	39.0	-30.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**748**	**690**	**8.4%**
Vốn chủ sở hữu	**748**	**690**	**8.4%**
Vốn điều lệ	144	144	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**867**	**1,055**	**1,417**	**1,119**	**1,205**
Giá vốn hàng bán	681	846	1,142	842	982
Lợi nhuận gộp	**186**	**209**	**275**	**277**	**222**
Doanh thu HĐTC	2.81	2.22	2.74	5.90	3.40
Chi phí TC	0.28	0.66	1.45	4.67	3.69
Chi phí lãi vay	**0.10**	**0.12**	**1.10**	**4.30**	**3.39**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.34	2.66	3.34	3.16	4.95
Chi phí QLDN	76.5	100	131	119	95.5
LN thuần từ HĐKD	**110**	**107**	**141**	**156**	**122**
Lợi nhuận khác	0.84	2.49	6.81	5.42	25.5
LN trước thuế	**111**	**110**	**148**	**161**	**147**
Lợi nhuận sau thuế	**90.7**	**89.3**	**117**	**126**	**117**
LNST của CĐ cty mẹ	**61.4**	**60.0**	**74.4**	**81.7**	**67.0**

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	154	248	99.8	209	309
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-87.1	-162	-128	-180	-219
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.9	-43.2	11.8	-5.84	-14.3
Tiền đầu kỳ	111	148	191	174	197
Lưu chuyển tiền thuần	**36.9**	**43.1**	**-16.8**	**22.9**	**75.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	-0.10	-0.17	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	148	191	174	197	273